

CHỈ THỊ VỀ KHÁNG CHIẾN KIẾN QUỐC CỦA ĐẢNG - GIÁ TRỊ VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ

TS. PHẠM MINH THẾ

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Bối cảnh ra đời của Chỉ thị về kháng chiến kiến quốc

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời là một bước ngoặt trọng đại trong lịch sử dân tộc, đã thực sự mở ra một kỷ nguyên mới của quốc gia dân tộc - kỷ nguyên của độc lập, tự do. Chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập, có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở; nhân dân lao động được làm chủ vận mệnh của đất nước; toàn dân tin tưởng và ủng hộ Việt Minh, ủng hộ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch;... là những thuận lợi to lớn mà Cách mạng Tháng Tám đã đem lại, trở thành động lực để nhân dân Việt Nam cùng chung tay xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cùng với đó, thắng lợi của Liên Xô trong Chiến tranh thế giới thứ hai, sự ra đời của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh cho dân chủ, hòa bình trên thế giới cũng đưa lại những thuận lợi về mặt tinh thần cho nhân dân Việt Nam vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi đó, sau Cách mạng Tháng Tám, đất nước cũng gặp phải không ít khó khăn, thử thách. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập nhưng chưa có quốc gia nào thừa nhận và đặt quan hệ ngoại giao. Điều này khiến Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gặp khó khăn về mặt đối ngoại cũng như

Tóm tắt: Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đất nước ta đứng trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc" do phải đối phó với "thù trong, giặc ngoài" và những khó khăn về nhiều mặt. Trước bối cảnh đó, ngày 25/11/1945, Đảng Cộng sản Đông Dương đã ban hành Chỉ thị về kháng chiến kiến quốc. Chỉ thị là tuyên bố quan trọng của Đảng trong việc giải quyết tình hình đất nước lúc bấy giờ và đề ra những nhiệm vụ mới với khẩu hiệu "Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết". Cho đến nay, đã 75 năm kể từ ngày ban Chỉ thị về kháng chiến kiến quốc của Đảng được ban hành, song việc nghiên cứu và đánh giá về bản Chỉ thị này vẫn thu hút sự quan tâm của nhiều học giả trong và ngoài nước. Trên cơ sở kế thừa những kết quả nghiên cứu đi trước, bài viết góp phần làm rõ thêm những giá trị và ý nghĩa lịch sử của bản Chỉ thị đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945-1954 và đối với sự phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Chỉ thị về kháng chiến kiến quốc, Cách mạng Tháng Tám

vận động sự ủng hộ của bạn bè quốc tế đối với cách mạng Việt Nam. Thêm vào đó, cuối tháng 8, đầu tháng 9/1945, theo thỏa thuận của các nước Đồng minh tại Hội nghị Potsdam (họp từ ngày 17/7 đến ngày 02/8/1945), quân đội Anh và Trung Hoa Dân quốc dưới danh nghĩa Đồng minh đã kéo vào Việt Nam làm nhiệm vụ giải giáp quân đội phát xít Nhật, gây sức ép đối với Chính phủ Việt Nam

Dân chủ Cộng hòa. Ngày 28/8/1945, gần 20 vạn quân của Chính phủ Trung Hoa Dân quốc dưới sự chỉ huy của tướng Lư Hán đã ồ ạt kéo vào nước ta, chiếm đóng Hà Nội và hầu hết các thành phố, thị xã từ biên giới Việt - Trung đến vĩ tuyến 16. Vào Việt Nam, quân đội Quốc dân Đảng Trung Quốc không chỉ làm nhiệm vụ giải giáp quân đội phát xít Nhật mà còn có âm mưu tiêu diệt Đảng Cộng sản Đông Dương, phá tan Việt Minh, đánh đổ chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để lập nên chính quyền phản động tay sai của chúng. Đằng sau quân Tưởng là đế quốc Mỹ với dã tâm "hất cẳng" Pháp để chiếm lấy Đông Dương, thiết lập chế độ "ủy trị" và biến Đông Dương thành thuộc địa của chúng. Sự phá hoại, gây hấn của quân đội Quốc dân Đảng Trung Quốc đã khiến Chính phủ ta gặp nhiều khó khăn trong việc quản trị đất nước. Chủ trì buổi lễ đầu hàng Đồng minh của quân đội Nhật vào ngày 28/9/1945 tại Hà Nội, tướng Lư Hán đã nói rõ nhiệm vụ của quân đội Trung Hoa Dân quốc khi sang Việt Nam là để tiếp nhận sự đầu hàng của quân đội Nhật chứ không can thiệp vào chủ quyền của Việt Nam, song thực tế, hành động của họ lại hoàn toàn trái ngược. Quân Tưởng đã giúp các lực lượng phản động tay sai vừa theo chúng về nước như Việt Quốc (Việt Nam Quốc dân Đảng) và Việt Cách (Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội) chống đối cách mạng Việt Nam. Chúng quấy nhiễu, phá rối, cướp của, giết người, tuyên truyền, kích động và lôi kéo quần chúng chống lại chính quyền cách mạng, đòi cải tổ Chính phủ Cách mạng lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đòi các bộ trưởng là đảng viên cộng sản phải từ chức. Chúng lập chính quyền phản động ở Móng Cái, Yên Bái, Vĩnh Yên,...

Ở phía Nam vĩ tuyến 16, tình hình còn nghiêm trọng hơn: Dưới danh nghĩa quân đội Đồng minh vào giải giáp quân đội phát xít Nhật, giữa tháng 9/1945, quân Anh do tướng Gracey chỉ huy đổ bộ vào

Sài Gòn. Tuy nhiên, do có sự thỏa thuận trước đó giữa Anh và Pháp nên trong số lực lượng quân đội Anh vào miền Nam có cả những đơn vị lính Pháp. Tổng số quân Anh - Pháp kéo vào Sài Gòn là khoảng 100.000 quân. Khi đến Sài Gòn, Gracey đã thả những người Pháp bị Nhật bắt giam trước đó và trang bị vũ khí cho họ, số này trở thành nguồn bổ sung cho lực lượng của Pháp tại Việt Nam. Phái bộ Anh đã yêu cầu ta phải giải tán lực lượng dân quân tự vệ, rút hết lực lượng vũ trang ra ngoài thành phố, trao lại các chốt cảnh sát, rời khỏi trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ để họ tiếp quản và sau đó phái bộ Anh bàn giao cho thực dân Pháp. Được sự hậu thuẫn từ quân đội thực dân Anh, quân đội Pháp đã liên tiếp tiến hành các hoạt động gây rối ở Sài Gòn, gây hấn và khiêu khích lực lượng vũ trang của ta. Đêm 22 rạng sáng 23/9, thực dân Pháp nổ súng ở Sài Gòn, tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Cuộc chiến tranh sau đó đã nhanh chóng lan rộng ra khắp Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Trong bối cảnh đó, Liên Xô lại hoàn toàn giữ im lặng mặc dù Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi nhiều điện thư cho nguyên thủ các nước Đồng minh, trong đó có Liên Xô thông báo sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và yêu cầu chính phủ các nước công nhận nền độc lập của Việt Nam. Tình hình đó đã đẩy Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào tình trạng bị bao vây, cô lập và đơn độc đối phó với âm mưu xâm lược của các nước lớn đế quốc, đặc biệt là thực dân Pháp.

Bên cạnh những thách thức nghiêm trọng về quân sự và chính trị, sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Việt Nam còn phải đương đầu với những khó khăn, thách thức về kinh tế - xã hội. Nạn đói ở miền Bắc chưa được khắc phục, 50% ruộng đất bị bỏ hoang, 6 tỉnh Bắc Bộ bị ngập lụt và sau đó là hạn hán, mất mùa. Công nghiệp đình đốn, nhiều nhà máy

chưa phục hồi được sản xuất. Hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt, ngoại thương đình trệ. Tình hình tài chính hết sức khó khăn, kho bạc chỉ có 1,2 triệu đồng, trong đó quá nửa là tiền rách, trong khi thuế chưa thu được. Ngân hàng Đông Dương vẫn nằm trong tay tư bản Pháp. Trên 90% dân số không biết chữ, dịch tả hoành hành, thêm vào đó là các tệ nạn xã hội như nghiện hút, cờ bạc, rượu chè, mại dâm,... xuất hiện tràn lan ở nhiều nơi từ nông thôn đến thành thị. Có thể thấy, sau Cách mạng Tháng Tám, ba loại giặc là giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm đã khiến chính quyền cách mạng và vận mệnh của quốc gia dân tộc Việt Nam lâm vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

2. Nội dung, giá trị và ý nghĩa lịch sử của Chỉ thị về kháng chiến kiến quốc

Ngày 25/11/1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã ra *Chỉ thị về kháng chiến kiến quốc*, vạch ra con đường đi lên cho cách mạng Việt Nam.

Chỉ thị về kháng chiến kiến quốc của Đảng gồm 13 điểm, trong đó điểm thứ nhất và thứ hai tập trung phân tích tình hình thế giới và nhận định về các mâu thuẫn trên thế giới. Chỉ thị cho rằng: “Nhân loại đang qua một cuộc *khủng hoảng sau chiến tranh*; nhưng cuộc khủng hoảng này, không dẫn thẳng tới đại chiến lần thứ 3, trong đó Liên Xô và Mỹ đương đầu với nhau. Trái lại, sau cơn khủng hoảng này, thế giới có thể qua một thời kỳ tạm thời phát triển hòa bình và dân chủ, rồi mới tiến tới một thời kỳ chiến tranh và cách mạng mới”¹ và “Bốn mâu thuẫn lớn của thế giới hiện thời (mâu thuẫn giữa Liên Xô và các nước đế quốc; mâu thuẫn giữa vô sản và tư bản; mâu thuẫn giữa dân tộc bị áp bức và chủ nghĩa thực dân; mâu thuẫn giữa các đế quốc với nhau) vẫn còn. Trong bốn mâu thuẫn ấy, mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức

với chủ nghĩa thực dân gay go hơn hết ở Đông Nam châu Á và đã gây ra cuộc chiến tranh dân tộc giải phóng của dân Đông Dương và dân Nam Dương”². Trên cơ sở đó, Đảng nhận định: “cuộc chiến tranh giành độc lập của các dân tộc ở Đông Dương và Nam Dương cũng như cuộc Quốc - Cộng xung đột ở Tàu không phải là *màn đầu* cho cuộc đại chiến lần thứ 3 như người ta tưởng; đó chỉ là một bộ phận của phong trào tranh đấu xây dựng hòa bình và giữ vững hòa bình trên thế giới hiện nay mà thôi”³.

Điểm thứ 3 và 4 của Chỉ thị phân tích về tình hình ở Đông Dương. Đảng cho rằng, cuộc Cách mạng Tháng Tám vừa rồi đã giành được thắng lợi tương đối dễ dàng, nhưng việc giành chính quyền càng dễ bao nhiêu thì việc giữ chính quyền càng khó bấy nhiêu. Chính quyền mới giành được phải giải quyết ba nhiệm vụ khó khăn: 1. Chống thực dân Pháp xâm lược; 2. Trừ nạn đói; 3. Xử trí với bọn Đại Việt, Việt Nam Quốc dân Đảng... Chỉ thị nêu rõ những khó khăn về kinh tế - xã hội của đất nước, đồng thời khẳng định quyết tâm kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc.

Điểm thứ 5 của bản Chỉ thị đã đánh giá thái độ của các nước đối với ta. Về thái độ của Liên Xô, Chỉ thị nhận định: “báo Nga đã lên tiếng nhận cuộc chiến đấu của Đông Dương và Nam Dương là chính đáng”⁴. Về thái độ của Mỹ, Chỉ thị nêu rõ: “Tuy Mỹ nói dối với Đông Dương giữ thái độ trung lập, song Mỹ đã ngầm giúp Pháp bằng cách cho Pháp mượn tàu cho quân sang Đông Dương. Một mặt Mỹ muốn tranh giành quyền lợi với Anh, Pháp ở Đông Dương và Đông Nam châu Á thực, nhưng một mặt nữa, Mỹ lại muốn hòa hoãn với Anh, Pháp để cùng lập mặt trận bao vây Liên Xô và chính vì mục đích ấy, Mỹ có thể hy sinh quyền lợi bộ phận



ở Đông Nam châu Á”⁵. Còn đối với Anh, Chi thị cho rằng: “Anh giúp Pháp ở Đông Dương hòng biến Đông Dương thành bán thuộc địa của Anh và muốn dập tắt phong trào đòi độc lập ở Đông Dương, vì sợ rằng phong trào ấy lên sẽ “làm gương” cho các thuộc địa của Anh ở Đông Nam châu Á”⁶. Nhưng do cuộc xâm lược Đông Dương của Pháp không thực hiện được ngay như mong muốn nên đã làm mất uy tín của Anh trên trường quốc tế, cùng với đó là sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh của nhân dân Anh và nhân dân Ấn Độ đòi liên quân Anh - Ấn phải rút khỏi Đông Dương sẽ làm cho Anh chán nản mà rút khỏi Đông Dương. Còn đối với Tàu, Chi thị nêu rõ: “Tàu trước kia định kéo quân sang ta là để lật đổ chính quyền do Việt Minh tổ chức ra, để đặt một chính phủ bù nhìn lên thay. Nhưng sang ta, họ thấy toàn dân đoàn kết và ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh nên họ đành phải giao thiệp với Chính phủ ấy, nhưng họ vẫn sợ Việt Minh là cộng sản và sợ “Cộng sản Đông Dương liên kết với Cộng sản Tàu xích hóa Hoa Nam” nên họ vẫn ôm cái ý định cải tổ chính phủ lâm thời cho “tay chân” của họ vào... Song có tin rằng, trước sau, Trùng Khánh sẽ bằng lòng cho Đông Dương trở về tay Pháp, miễn là Pháp nhượng cho Tàu nhiều quyền lợi quan trọng”⁷. Đối với thái độ và hành động của Pháp, Chi thị cho rằng: “Pháp đối với ta trước đây một khác, bây giờ một khác, vì một là tình hình nội chính ở Pháp có chỗ thay đổi (sau cuộc Tổng tuyển cử Đảng Cộng sản Pháp là một đảng mạnh nhất trong Quốc hội, và trong Chính phủ Pháp hiện nay có năm đảng viên Đảng Cộng sản tham gia), hai là toàn dân đoàn kết, kháng chiến anh dũng, nên trước đây Pháp chủ trương tự trị (tuyên ngôn của Chính phủ De Gaulle ngày 24/3/1945), nay Pháp rất có thể thừa nhận cho Đông Dương độc lập và ký với Đông Dương một bản hiệp ước thân thiện, đặng giữ

thể diện với quốc tế và cứu vãn quyền lợi kinh tế của Pháp ở Đông Dương”⁸.

Có thể nói, những nhận định, đánh giá của Chi thị về kháng chiến kiến quốc về tình hình quốc tế và trong nước là khá xác đáng, đặc biệt trong việc đánh giá về kẻ thù chính của quốc gia, dân tộc lúc đó, dù rằng vẫn còn có sự mơ hồ về một bản hiệp ước với Pháp. Trên cơ sở những nhận định đó, từ điểm 6 đến điểm 13, Chi thị hoạch định những chủ trương cụ thể để thúc đẩy sự phát triển của cách mạng Việt Nam.

Về phương hướng chiến lược cách mạng, Chi thị khẳng định: “Cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng. Cuộc cách mạng ấy đang tiếp diễn, nó chưa hoàn thành, vì nước chưa được hoàn toàn độc lập”⁹. Do đó, “Nhiệm vụ cứu nước của giai cấp vô sản chưa xong. Giai cấp vô sản vẫn phải hăng hái, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng ấy. Khẩu hiệu vẫn là “Dân tộc trên hết. Tổ quốc trên hết””¹⁰. Chi thị cũng xác định rõ: “Kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng”¹¹. Để đưa cuộc kháng chiến, kiến quốc đi đến thắng lợi, Đảng chủ trương: “Chiến thuật của ta lúc này là lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược. Mở rộng Việt Minh cho nó bao gồm mọi tầng lớp nhân dân (chú trọng: kéo địa chủ, phong kiến và đồng bào Công giáo, v.v.)”¹². Đồng thời, phải thống nhất mặt trận Việt - Miên - Lào chống Pháp xâm lược; kiên quyết giành độc lập - tự do - hạnh phúc cho dân tộc; độc lập về chính trị, thực hiện chế độ dân chủ cộng hòa, cải thiện đời sống cho nhân dân. Trên cơ sở đó, Đảng xác định rõ nhiệm vụ cần kíp của chúng ta lúc này là vừa phải thực hiện nhiệm vụ chung của vô sản thế giới là phải tranh đấu để thực hiện triệt để hiến chương các nước liên hiệp, ủng hộ Liên Xô, xây dựng hòa bình thế giới, mở rộng chế độ dân chủ ra các nước, giải phóng

cho các dân tộc thuộc địa, vừa phải thực hiện nhiệm vụ riêng ở trong nước là củng cố chính quyền chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống của nhân dân. Về nội chính, phải xúc tiến việc đi đến Quốc hội để quy định hiến pháp, bầu Chính phủ chính thức¹³.

Về quân sự, Chi thị nêu rõ: “động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài; phối hợp chiến thuật du kích với phương pháp bất hợp tác đến triệt để”¹⁴. Về ngoại giao, Đảng chủ trương kiên trì ngoại giao với các nước theo nguyên tắc “bình đẳng và tương trợ”. Chi thị nhấn mạnh rằng, ngoại giao là làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết, muốn ngoại giao thắng lợi thì phải biểu dương thực lực. Đối với từng đối tượng cụ thể, Chi thị nêu rõ: đối với Tàu, vẫn chủ trương Hoa - Việt thân thiện, coi Hoa kiều như dân tối huệ quốc; đối với Pháp, độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế. Trên cơ sở xác định đối tượng chính của cuộc cách mạng, Chi thị đã chỉ ra trọng tâm và nội dung của đấu tranh chính trị lúc này là: trong công tác tuyên truyền, kêu gọi đoàn kết, chống chủ nghĩa thực dân Pháp xâm lược. Phản đối chia rẽ nhưng chống sự thống nhất vô nguyên tắc với bọn phản quốc, phản đối chủ nghĩa thất bại. Đặc biệt, phải chống mọi âm mưu phá hoại, chia rẽ của bọn Tờrốttxki, Đại Việt, Việt Nam Quốc dân Đảng, nâng cao sự tin tưởng của quốc dân vào thắng lợi cuối cùng, khơi gọi chí căm hờn đối với thực dân Pháp nhưng tránh khuynh hướng “vị chúng”. Phải nhận diện rõ kẻ thù chính - đối tượng của cuộc cách mạng là thực dân Pháp để chia mũi nhọn đấu tranh vào chúng chứ không phải là chống cả nước Pháp hay dân Pháp. Cũng không thể đánh đồng tất cả các lực lượng đế quốc có mặt trên đất nước ta như Pháp, Anh, Ấn, Nhật đều là

kẻ thù như nhau, mà phải nhận rõ đâu mới là kẻ thù chính và nguy hiểm trong số các lực lượng này mà đấu tranh.

Về kinh tế - tài chính: Mở lại các nhà máy do Nhật bỏ, khai thác mỏ, cho tư nhân được góp vốn vào việc kinh doanh các nhà máy và mỏ ấy, khuyến khích giới công thương mở hợp tác xã, mở các hội cổ phần tham gia kiến thiết lại nước nhà. Tăng cường công tác khuyến nông, sửa chữa đê điều. Lập quốc gia ngân hàng, phát hành giấy bạc, định lại các ngạch thuế, lập ngân quỹ toàn quốc, các xứ, các tỉnh. Như vậy, có thể thấy bản Chi thị đã xác lập mô hình kinh tế hàng hóa nhiều thành phần với sự tham gia của toàn dân để thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Đồng thời, để giải quyết nạn đói, Chi thị cũng đã chỉ ra những định hướng cho công tác cứu tế. Biện pháp để thực hiện cứu tế là kêu gọi lòng yêu nước thương nòi của các giới đồng bào, lập quỹ cứu tế, lập kho thóc cứu tế, tổ chức “bữa cháo cầm hơi”,...; động viên nam, nữ thanh niên thành lập những đoàn “cứu đói”, các “đội quân trừ giặc đói”; tiến hành khai khẩn, trồng trọt để lấy lương thực tiếp tế cho dân nghèo, điều phối lại việc tiếp tế, phân phối lương thực bằng cách mua gạo của nhà giàu bán cho nhà nghèo theo giá hạ, chuyển gạo từ chỗ thừa sang chỗ thiếu để đảm bảo đời sống; phát động tăng gia sản xuất để có lương thực giải quyết nạn đói.

Về phát triển văn hóa - giáo dục: Tổ chức bình dân học vụ, tích cực bài trừ nạn mù chữ, mở đại học và trung học, cải cách việc học theo tinh thần mới, cổ động văn hóa cứu quốc, kiến thiết nền văn hóa mới theo ba nguyên tắc: khoa học hóa, đại chúng hóa và dân tộc hóa.

Bên cạnh những nội dung trên, Chi thị về kháng chiến kiến quốc còn đưa ra những chủ trương về củng cố, phát triển



Đảng và Mặt trận Việt Minh. Về chủ trương phát triển Đảng: Phải duy trì hệ thống tổ chức bí mật hay bán công khai của Đảng, kết nạp thêm đảng viên, gây dựng cơ sở xí nghiệp rộng lớn của Đảng, bảo đảm cho sự phát triển của Đảng song hành với sự phát triển của công nhân cứu quốc. Phải tránh cả hai xu hướng: chỗ thì tổ chức Đảng hẹp quá, chậm quá, chỗ thì lại rộng quá, nhanh quá khiến cho những phần tử phức tạp có cơ hội len vào Đảng. Phải phối hợp sự hoạt động bí mật với sự hoạt động công khai và điều hòa linh hoạt hai hình thức hoạt động ấy, coi công tác bí mật là gốc, và không để cho các cơ quan bí mật trở thành xung đột hay đối lập với các cơ quan công khai. Đối với Mặt trận Việt Minh, phải hết sức phát triển các tổ chức cứu quốc. Thống nhất các tổ chức cứu quốc lên toàn kỳ, toàn quốc, sửa chữa lại điều lệ của các đoàn thể cứu quốc cho thích hợp với hoàn cảnh mới. Tổ chức thêm những đoàn thể cứu quốc mới vào Mặt trận Việt Minh. “San phẳng” những xung đột giữa các đoàn thể trong Mặt trận, nhất là giữa các hội cứu quốc và Việt Nam Dân chủ Đảng. “San phẳng” những mâu thuẫn giữa Ủy ban nhân dân và Ủy ban Việt Minh, chấn chỉnh lại Tổng bộ Việt Minh, làm cho nó sinh hoạt đều đặn, hiệu quả. Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các đoàn thể trong Mặt trận.

Về xây dựng và bảo vệ chính quyền: Chấn chỉnh lại các bộ, và nếu vì lý do cần thiết thống nhất dân tộc và xúc tiến ngoại giao thì có thể cải tổ Chính phủ trước ngày họp Quốc hội. Chính phủ cải tổ ấy đó vẫn là Chính phủ lâm thời. Đồng thời, chiếu theo tinh thần của bản dự thảo hiến pháp mới và nhu cầu của tình hình mà ban hành những sắc lệnh để sớm mang lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Giải quyết một cách hợp lý vấn đề ruộng đất và thuế khóa. Trừng trị bọn

phản quốc đã nhân những khó khăn về nội trị và ngoại giao của đất nước để “ngóc đầu dậy”. Cải cách chính quyền nhân dân ở địa phương.

Đối với công tác kháng chiến ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, bản Chỉ thị nêu rõ: “Chiến thuật của ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ là phải cắt đứt liên lạc giữa các thành phố đã lọt vào tay địch, phong tỏa những thành phố ấy về kinh tế, bao vây về chính trị, nhiều loạn về quân sự. Phải áp dụng chiến tranh du kích đến triệt để và cô động nhân dân thi hành chính sách bất hợp tác ở các thành thị quân địch làm chủ và thi hành chính sách “nhà không đồng vắng” nếu quân Pháp tràn về quê. Điều cốt tử là phải giữ vững liên lạc giữa các chiến khu để thống nhất chỉ huy, nơi nào rút khỏi thành thị thì quân ta phải chiếm đóng ở những địa điểm chiến lược lợi hại tiến có thể đánh, lui có thể giữ. Các vùng chiến tranh chưa lan đến cũng phải chuẩn bị đối phó khi tiến khi lui.

Về công tác tổng tuyển cử, Chỉ thị chủ trương: Phải xúc tiến việc sửa soạn tổng tuyển cử và mỗi tỉnh phải đặt ngay một cuốn sổ ghi tên những người ứng cử để kịp cổ động bầu. Nguyên tắc đặt sổ là: Đảng viên 1/3, người của các đoàn thể trong mặt trận 1/3, người ngoài mặt trận 1/3, những tỉnh nào thế lực các đảng phái đối lập mạnh thì số đảng viên ra ứng cử có thể tăng lên. Những phần tử cộng sản hay người Việt Minh không dùng danh nghĩa đoàn thể mình ra ứng cử để chứng tỏ mình chỉ có mục đích cứu nước và trúng cử là vì được quốc dân yêu chuộng, tin cậy. Đồng thời, phải đưa những người đã ở trong Ủy ban nhân dân có năng lực hành chính ra ứng cử, còn những người bất lực và thiếu tư cách thì cho họ nghỉ để làm việc khác. Chỉ thị cũng nêu rõ, cần phải giới thiệu những vị thân hào có tài, có đức ra ứng cử, và cùng đứng chung

một số quốc gia liên hiệp với những người ủng hộ của Việt Minh.

Như vậy, về mặt cấu trúc, Chỉ thị về kháng chiến kiến quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương đã bao quát được toàn bộ các vấn đề: phương hướng chiến lược của cách mạng, tính chất của cách mạng, đối tượng của cách mạng, phương châm, lực lượng và các nhiệm vụ cụ thể của cách mạng. Đồng thời, Chỉ thị cũng chỉ ra được chính sách, sách lược ngoại giao và đối ngoại phù hợp với từng đối tượng cụ thể của đất nước lúc đó. Điều này cho thấy tính hệ thống, toàn diện và đúng đắn của bản Chỉ thị. Có thể nói, Chỉ thị về kháng chiến kiến quốc có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam về sau. Chỉ thị đã xác định đúng kẻ thù chính của dân tộc Việt Nam là thực dân Pháp xâm lược, trên cơ sở đó kịp thời chỉ ra những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng, xác định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám là xây dựng đất nước đi đôi với bảo vệ đất nước, kháng chiến gắn chặt với kiến quốc. Nội dung của Chỉ thị đã tạo nền móng cho việc hình thành và phát triển đường lối kháng chiến chống Pháp và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân trong giai đoạn sau. Từ cấu trúc và nội dung, có thể coi Chỉ thị về kháng chiến và kiến quốc có giá trị như một bản cương lĩnh cách mạng của Đảng sau Cách mạng Tháng Tám. Đặt trong bối cảnh Đảng đã tuyên bố “tự giải tán” trước đó (ngày 11/11/1945) thì sự ra đời của Chỉ thị đã cho thấy rõ sự hiện tồn, khẳng định vai trò và uy tín lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với cách mạng Việt Nam; đồng thời, cho thấy trách nhiệm của Đảng đối với sự tồn vong của quốc gia, dân tộc. Đảng có thể hy sinh quyền lợi của Đảng nhưng không thể thờ ơ, phó mặc hay hy sinh quyền lợi của quốc gia, dân tộc. Chính điều này đã tạo nên sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với quần chúng nhân dân, với quốc gia, dân tộc, tạo ra uy tín và niềm tin tất thắng để

cả nước tiếp tục đi lên dưới sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh giành những thắng lợi to lớn trong hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Có thể nói, Chỉ thị về kháng chiến kiến quốc của Đảng ngày 25/11/1945 có giá trị và ý nghĩa vô cùng to lớn đối với thắng lợi của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954. Tính hệ thống, toàn diện và cụ thể của bản Chỉ thị về hai nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc được thể rõ nét, tạo nền móng để Đảng tiếp tục bổ sung và hoàn chỉnh đường lối kháng chiến trong giai đoạn sau đó. Chỉ thị ra đời trong bối cảnh nước ta chưa được một quốc gia nào thừa nhận, bị bao vây từ bốn phía đã cho thấy tính độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong việc hoạch định đường lối cách mạng cũng như trí tuệ và tầm vóc của một đảng cách mạng dù còn non trẻ song đã đủ sức lãnh đạo, chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua sóng to gió lớn. Đường lối chiến tranh nhân dân, kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh dựa vào sức mình là chính được thể hiện trong bản Chỉ thị chứng tỏ Đảng ta đã quán triệt tư tưởng “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” của Chủ tịch Hồ Chí Minh một cách triệt để trong quá trình hoạch định đường lối cách mạng. Đây là một bài học lớn cần được thấm nhuần và quán triệt rộng rãi đến từng cá nhân, tập thể, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay thì tinh thần chủ động, tích cực, độc lập, tự chủ và sáng tạo trong đối ngoại và giao lưu quốc tế càng cần thiết hơn bao giờ hết. ♦

1, 13, 14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, t. 8, tr. 21, 26-27, 27.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđđ*, t. 8, tr. 22.

4, 5, 6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđđ*, t. 8, tr. 24.

7, 8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđđ*, t. 8, tr. 25.

9, 10, 11, 12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđđ*, t. 8, tr. 26.